

ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG SỨC KHOẺ THỂ CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA BỆNH NHÂN ĐANG ĐIỀU TRỊ METHADONE TẠI HUYỆN ĐIỆN BIÊN NĂM 2024

Đào Thị Hồng Vân^{1*}, Nguyễn Quốc Tiến¹, Nguyễn Thanh Tú¹, Lò Văn Chính²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần của bệnh nhân đang điều trị Methadone (MMT) tại huyện Điện Biên năm 2024.

Phương pháp: Thiết kế phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang có hồi cứu trên 480 bệnh nhân đang điều trị MMT ít nhất 6 tháng tại cơ sở điều trị và 12 cơ sở cấp phát thuốc của Trung tâm Y tế huyện Điện Biên thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi và hồi cứu bệnh án từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024. Đánh giá kết quả trước và sau điều trị MMT về một số tiêu chí liên quan đến sức khỏe thể chất và tinh thần tại thời điểm nghiên cứu.

Kết quả: Từ kết quả phỏng vấn bằng bộ câu hỏi và hồi cứu bệnh án tại thời điểm nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ bệnh nhân đánh giá sức khỏe tốt trước và sau điều trị MMT tăng từ 2,08% lên 20,83%, trong khi tỷ lệ đánh giá xấu giảm từ 35,42% xuống còn 10,42%. Về sức khỏe tinh thần, các vấn đề về tập trung, ghi nhớ giảm từ 82% xuống 38%, các biểu hiện lo lắng thái quá giảm từ 95% xuống 40%, trầm cảm giảm từ 97% xuống 48%, và ý định tự sát giảm từ 25% xuống 0%. Tỷ lệ đánh giá chất lượng cuộc sống tốt tăng từ 3,13% lên 21,88% và đánh giá rất xấu giảm từ 7,29% xuống 0%. Các hành vi vi phạm pháp luật như trộm cắp, lừa đảo, buôn bán ma túy giảm mạnh. Tỷ lệ tiếp cận các dịch vụ y tế dự phòng (xét nghiệm HIV, điều trị ARV tiếp nhận BKT/BCS...) tăng lên đáng kể.

Kết luận: Chương trình điều trị Methadone tại huyện Điện Biên đã mang lại kết quả tích cực trong việc cải thiện sức khỏe thể chất và tinh thần và giảm các hành vi phạm pháp của bệnh nhân. Cần tiếp tục duy trì, mở rộng, củng cố các dịch vụ hỗ trợ tâm lý xã hội và chăm sóc sức khỏe để nâng cao hơn nữa hiệu quả điều trị.

Từ khóa: Sức khỏe, thể chất, tinh thần, Methadone, Điện Biên.

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

2. Trung tâm y tế Điện Biên

*Tác giả liên hệ: Đào Thị Hồng Vân

Email: dthvan.tbump@gmail.com

Ngày nhận bài: 7/01/2026

Ngày phản biện: 02/3/2026

Ngày duyệt bài: 18/3/2026

ASSESSMENT OF PHYSICAL AND MENTAL HEALTH STATUS AMONG PATIENTS UNDERGOING METHADONE TREATMENT IN DIEN BIEN DISTRICT IN 2024

ABSTRACT

Objective: To assess the physical and mental health status of patients undergoing Methadone Maintenance Treatment (MMT) in Dien Bien district in 2024.

Method: A cross-sectional descriptive study with retrospective elements was conducted through direct interviews using a structured questionnaire and medical record review. Participants included 480 patients who had been undergoing Methadone maintenance treatment (MMT) for at least 6 months and were currently receiving care at the main treatment facility and 12 satellite dispensing sites under the Dien Bien District Health Center. Data collection took place from April to September 2024. A comparison was carried out between the outcomes before and after MMT treatment based on selected criteria related to physical and mental health at the time of the study.

Results: Drawing on the data obtained from structured interviews and retrospective medical record reviews at the study time point, it was evident that the proportion of patients who rated their health as "good" increased from 2.08% before treatment to 20.83% after treatment, while the proportion who rated it as "poor" decreased from 35.42% to 10.42%. Mental health indicators also showed substantial positive changes: difficulties with concentration and memory declined from 82% to 38%; symptoms of excessive anxiety decreased from 95% to 40%; reported depression dropped from 97% to 48%; and suicidal ideation fell from 25% to 0%. Regarding quality of life, the percentage of patients rating their life quality as "good" rose from 3.13% to 21.88%, and the "very poor" rating decreased from 7.29% to 0%. Furthermore, illegal and high-risk behaviors, including theft, fraud, and drug trafficking, were markedly reduced. Access to and utilization of preventive healthcare services (such as HIV testing, antiretroviral (ARV) therapy, and receiving sterile syringes and condoms) increased significantly among the study participants.

Conclusion: The Methadone treatment program in Dien Bien district has yielded positive results in improving the physical and mental health of patients and reducing their illegal behaviors. It is necessary to continue maintaining, expanding, and strengthening psychosocial support services and health care to further enhance treatment effectiveness.

Keywords: Health, physical, mental, Methadone, Dien Bien.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiện các chất dạng thuốc phiện (CDTP) là một bệnh lý mạn tính có xu hướng tái phát, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe thể chất và tinh thần, gây tổn hại đến trật tự an toàn xã hội [1]. Huyện Điện Biên là huyện miền núi, nơi có nhiều đường tiểu ngạch qua biên giới, giáp khu vực tam giác vàng, là huyện trọng điểm về ma túy và HIV/AIDS với tình hình buôn bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy rất phức tạp, khó kiểm soát, các đối tượng sử dụng ma túy đa dạng, chủ yếu qua đường tiêm chích, tiềm ẩn nhiều nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS. Tính đến 11/2023, toàn huyện đã ghi nhận 2.139 ca nhiễm HIV dương tính [2]. Điều trị thay thế nghiện các CDTP bằng thuốc MMT được Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo là một trong những biện pháp hiệu quả nhất giúp cải thiện toàn diện sức khỏe người bệnh, giảm tử vong, giảm hành vi nguy cơ và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tại huyện Điện Biên, chương trình điều trị thay thế các CDTP bằng thuốc MMT được chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3/2011 với 15 bệnh nhân. Đến năm 2024 đã có 01 cơ sở điều trị tại Trung tâm y tế huyện và 12 cơ sở cấp phát MMT tại các trạm y tế xã trong toàn huyện, góp phần làm giảm tỷ lệ người nhiễm HIV hàng năm qua con đường tiêm chích ma túy, giúp người nghiện ổn định cuộc sống, đảm bảo trật tự an ninh và an toàn xã hội [2]. Các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam, như nghiên cứu của Tổng Văn Khương (2020) tại tỉnh Điện Biên, chủ yếu tập trung vào đặc điểm dịch tễ và tuân thủ điều trị [3]. Việc đánh giá về tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần của người bệnh chưa được mô tả và phân tích một cách hệ thống. Xuất phát từ thực trạng trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu “Đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần của bệnh nhân đang điều trị MMT tại huyện Điện Biên năm 2024” từ đó cung cấp bằng chứng khoa học về tác động của chương trình MMT, làm cơ sở đề xuất

các biện pháp can thiệp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng điều trị và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho đối tượng bệnh nhân này.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những bệnh nhân nghiện ma túy đang tham gia điều trị thay thế nghiện các CDTP bằng MMT tại cơ sở điều trị là Trung tâm Y tế huyện Điện Biên và 12 cơ sở cấp phát điều trị MMT là các Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Những bệnh nhân nghiện ma túy hiện đang sống tại địa bàn nghiên cứu được điều trị liên tục ít nhất là 6 tháng tính đến thời điểm điều tra tại Trung tâm y tế huyện và 12 Trạm y tế xã. Những bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Những bệnh nhân có thời gian điều trị liên tục dưới 6 tháng tính đến thời điểm điều tra. Những bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm Y tế huyện Điện Biên và 12 Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

Thời gian nghiên cứu: từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang qua phỏng vấn trực tiếp kết hợp hồi cứu hồ sơ bệnh án của đối tượng nghiên cứu từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 thông qua bộ câu hỏi được thiết kế sẵn phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và chỉnh sửa và hoàn thiện sau khi tiến hành điều tra thử.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với cỡ mẫu toàn bộ 480 bệnh nhân đang điều trị nghiện các CDTP bằng thuốc MMT tại trung tâm y tế huyện Điện Biên và 12 trạm y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Điện Biên đảm bảo tiêu chuẩn vào nghiên cứu. Trong đó có 115 bệnh nhân hằng ngày đến uống thuốc tại trung tâm y tế huyện và 365 bệnh nhân được uống thuốc tại 12 trạm y tế xã.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Phỏng vấn trực tiếp đối tượng nghiên cứu kết hợp xem Hồ sơ, Bệnh án của bệnh nhân điều trị MMT tại Trung tâm Y tế huyện và 12 cơ sở cấp phát toàn huyện.; khoanh đáp án theo bệnh nhân trả lời và thu thập từ bệnh án theo bộ câu hỏi được chuẩn bị trước. bao gồm 2 phần.

Phần 1: Khảo sát các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, nghề nghiệp...).

Phần 2: Phỏng vấn tình trạng sức khỏe thể chất, tinh thần của đối tượng nghiên cứu trước và sau điều trị MMT (Tình trạng sức khỏe thể chất: tiền sử bệnh lý, bệnh lý hiện tại, tác dụng phụ của MMT; Tình trạng sức khỏe tinh thần trước và sau điều trị từ 6 tháng trở lên : tình trạng lo âu, trầm cảm, mất tập trung... Tỷ lệ các hành vi vi phạm pháp luật trước và sau điều trị và tình hình tiếp cận các dịch vụ y tế: tự đánh giá về sức khỏe, chất lượng cuộc sống, sử dụng các dịch vụ dự phòng, chăm sóc (xét nghiệm HIV, BKT, BCS...)

Các phiếu đạt yêu cầu phải có đầy đủ các thông tin cần cho nghiên cứu, nhóm nghiên cứu phát ra 480 phiếu và thu về 480 phiếu đạt yêu cầu.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Tình hình nhân khẩu, xã hội của đối tượng nghiên cứu

Nhóm tuổi	Số lượng (480)	Tỷ lệ %
Tuổi		
Dưới 20 tuổi	02	0,42
Từ 20- 24 tuổi	10	2,08
Từ 25- 29 tuổi	20	4,17
≥ 30 tuổi	448	93,33
Tình trạng hôn nhân		
Hiện độc thân	93	19,37
Có gia đình	217	45,21
Khác...	170	35,42
Nghề nghiệp hiện tại		
Có việc làm ổn định	68	14,17
Việc làm không ổn định	196	40,83
Thất nghiệp	216	45,00
Khác...	0	0

Nhận xét: SNhóm nghiên cứu chủ yếu từ 30 tuổi trở lên (93,33%); tỷ lệ đã có gia đình là 45,21% và thất nghiệp chiếm 45,00%.

Bảng 2. Tình hình sức khỏe thể chất của ĐTNC tại thời điểm trước điều trị MMT (n=480)

Đặc điểm sức khỏe thể chất của bệnh nhân	Số lượng	Tỷ Lệ %
Tiền sử mắc các bệnh viêm nhiễm	296	61,66
Tiền sử sử dụng rượu	278	57,91
Có tiền sử quá liều	28	5,83
Test VGB (+)	55	11,45
Test HIV (+)	58	12,08

Nhận xét: Đa số người bệnh có tiền sử mắc các bệnh viêm nhiễm (61,66%) và sử dụng rượu (57,91%); tỷ lệ test HIV dương tính là 12,08%, test VGB dương tính là 11,45%, trong khi tiền sử quá liều chiếm 5,83%.

Bảng 3. Tình hình sử dụng các dịch vụ dự phòng, chăm sóc hỗ trợ của ĐTNC trước và sau điều trị MMT (n=480)

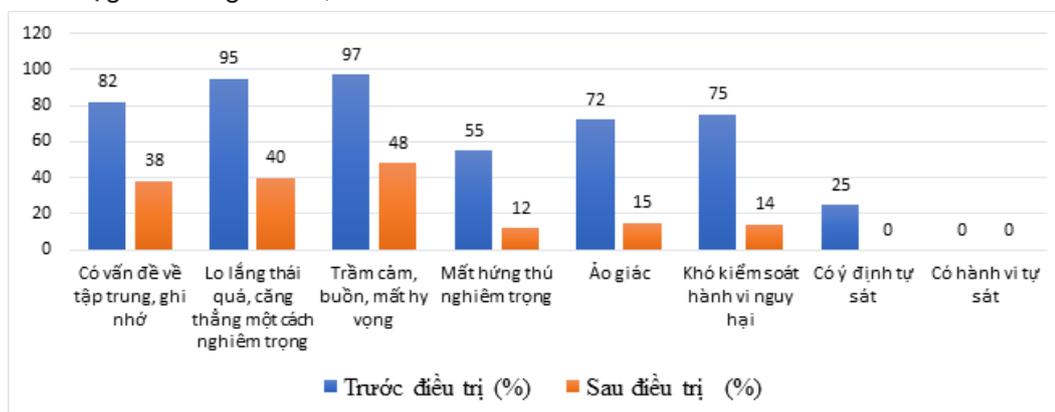
Hành vi	Trước điều trị MMT		Sau điều trị MMT	
	Số lượng	%	Số lượng	%
Xét nghiệm HIV	220	45,83	420	87,50
Điều trị ARV	5	1,04	12	2,5
Điều trị Lao, nhiễm trùng cơ hội	2	0,41	8	1,67
Hỗ trợ người sau cai nghiện	30	6,25	390	81,25
BKT, BCS	100	20,83	280	58,33

Nhận xét: Sau điều trị MMT, các hành vi đều tăng so với trước điều trị; trong đó xét nghiệm HIV tăng từ 45,83% lên 87,50%, hỗ trợ người sau cai nghiện từ 6,25% lên 81,25%, BKT/BCS từ 20,83% lên 58,33%

Bảng 4. Đánh giá mức độ hài lòng về sức khỏe thể chất của ĐTNC trước và sau điều trị MMT (n=480)

Tình trạng sức khỏe thể chất của BN	Trước điều trị		Sau điều trị	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tốt	10	2,08	100	20,83
Bình thường	300	62,50	330	68,75
Xấu	170	35,42	50	10,42

Nhận xét : Mức độ hài lòng về sức khỏe của đối tượng nghiên cứu tốt trước điều trị là 2,08% và sau điều trị tăng lên 20,83%; bình thường trước điều trị là 62,50% và sau điều trị tăng lên 68,75%; sức khỏe xấu trước điều trị là 35,42% và sau điều trị giảm xuống còn 10,42%.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ ĐTNC có các biểu hiện liên quan tới sức khỏe tâm thần trước và sau điều trị MMT (n=480)

Nhận xét : ĐTNC có các vấn đề về tập trung, ghi nhớ giảm từ 82% xuống còn 38%; lo lắng thái quá, căng thẳng: trước điều trị chiếm 95% và sau điều trị còn 40%; trầm cảm, mất hy vọng, trước điều trị chiếm 97% và sau điều trị còn 48%; có ý định tự sát giảm từ 25% và xuống còn 0%.

Bảng 5. Hành vi vi phạm pháp luật của ĐTNC trước và sau điều trị MMT (n=480)

Hành vi	Trước điều trị MMT		Sau điều trị MMT	
	Số lượng	%	Số lượng	%
Buôn bán ma túy	205	42,7	12	2,50
Bán đồ cá nhân	258	53,75	68	14,16
Bán đồ gia đình	350	72,91	87	18,12

Hành vi	Trước điều trị MMT		Sau điều trị MMT	
	Số lượng	%	Số lượng	%
Đánh nhau	85	17,70	12	2,50
Trộm cắp	315	65,62	16	3,33
Lừa đảo	75	15,62	0	0
Vay tiền mua ma túy	218	45,41	10	2,08

Nhận xét: Sau điều trị MMT, tất cả các hành vi vi phạm pháp luật đều giảm rõ rệt so với trước điều trị; trong đó trộm cắp giảm từ 65,62% xuống 3,33%, bán đồ gia đình từ 72,91% xuống 18,12%, buôn bán ma túy từ 42,7% xuống 2,50%, và hành vi lừa đảo giảm về 0%.

Bảng 6. Đánh giá về chất lượng cuộc sống của ĐTNC trước và sau điều trị MMT (n= 480)

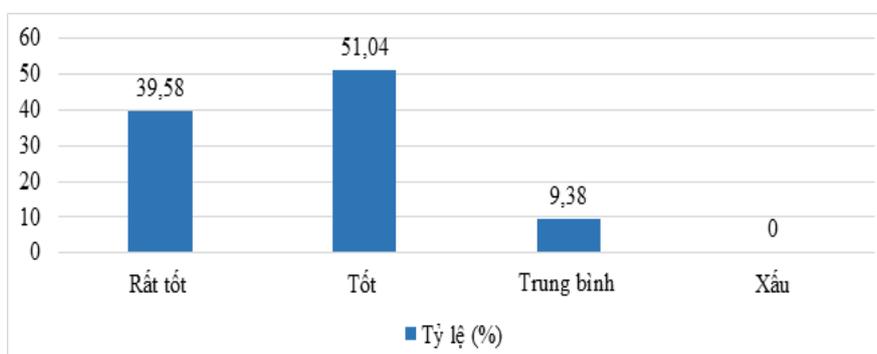
Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân	Trước điều trị		Sau điều trị	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất xấu	35	7,29	0	0
Xấu	180	37,50	10	2,08
Trung bình	250	52,08	365	76,04
Tốt	15	3,13	105	21,88

Nhận xét: Sau điều trị MMT, chất lượng cuộc sống cải thiện rõ rệt; tỷ lệ mức “tốt” tăng từ 3,13% lên 21,88%, “trung bình” từ 52,08% lên 76,04%, trong khi “xấu” giảm từ 37,50% xuống 2,08% và “rất xấu” từ 7,29% xuống 0%.

Bảng 7. Điều kiện kinh tế của ĐTNC trước và sau điều trị MMT (n=480)

Mức thu nhập/tháng	Trước điều trị		Sau điều trị	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Nghèo	162	33,75	80	16,67
Cận nghèo	218	45,42	120	25,00
Trung bình trở lên	100	20,83	280	58,33
Tổng	480		480	

Nhận xét: Sau điều trị MMT, điều kiện kinh tế được cải thiện; tỷ lệ nghèo giảm từ 33,75% xuống 16,67%, cận nghèo từ 45,42% xuống 25,00%, trong khi nhóm có thu nhập trung bình trở lên tăng từ 20,83% lên 58,33%.



Biểu đồ 2. Đánh giá của bệnh nhân về chất lượng của chương trình điều trị MMT (n=480)

Nhận xét: Đánh giá của ĐTNC về chất lượng chương trình điều trị MMT cho thấy tốt chiếm 51,04%; rất tốt chiếm 39,58%, trung bình chiếm 9,38% và xấu là 0%.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 480 bệnh nhân đang điều trị MMT tại huyện Điện Biên. Đặc điểm nhân khẩu học cho thấy phần lớn bệnh nhân thuộc nhóm trên 30 tuổi (93,33%). Tỷ lệ bệnh nhân có gia đình là 45,21%. Đáng chú ý, ĐTNC không có việc làm chiếm tỷ lệ cao nhất là 45,00%. Điều này phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của một huyện miền núi biên giới và cho thấy những rào cản lớn trong việc tái hòa nhập cộng đồng và tìm kiếm sinh kế ổn định cho người bệnh sau điều trị [4]. Kết quả nghiên cứu về tình hình sức khỏe thể chất của ĐTNC tại thời điểm trước khi điều trị MMT cho thấy; tiền sử mắc các bệnh viêm nhiễm là cao nhất chiếm 61,66%; tiền sử sử dụng rượu là 57,91%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Tông Văn Khương năm 2020 với tiền sử sử dụng rượu là 62,71% [3] và cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Trường Giang (2020) tại Hà Nam (48,5%) [5]. Điều này cho thấy tỷ lệ sử dụng rượu ở người nghiện các CDTP khá cao. Về các biểu hiện liên quan đến sức khỏe tinh thần ghi nhận sự cải thiện về các triệu chứng sức khỏe tinh thần sau điều trị MMT tại thời điểm nghiên cứu. Các tỷ lệ như lo lắng thái quá giảm từ 95% xuống 40%, trầm cảm giảm từ 97% xuống 48% , và đặc biệt ý định tự sát giảm về 0%, cho thấy tác động tích cực của MMT. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi về tỷ lệ trầm cảm sau điều trị (48%) cao hơn so với nghiên cứu của Anisa Y. Mughal và cộng sự (2021) đăng trên BMC Psychiatry (Springer Nature) tại Hà Nội, khi tỷ lệ rối loạn trầm cảm là 10,5% [6] . Sự khác biệt này có thể do phương pháp nghiên cứu khác nhau, đồng thời cỡ mẫu trong nghiên cứu của Mughal và cộng sự tập trung chủ yếu tại khu vực thành thị với điều kiện tiếp cận dịch vụ y tế thuận lợi hơn. Về chất lượng cuộc sống của ĐTNC thay đổi rõ rệt: tỷ lệ đánh giá tốt tăng từ 3,13% lên 21,88%; rất xấu giảm từ 3,27% xuống còn 0%. Kết quả này có một số tương đồng với nghiên cứu của Tông Văn Khương năm 2020; rất xấu: từ 3,27% xuống còn 0%; tốt tăng từ 2,5% lên 8,36%, thấp hơn không đáng kể so với nghiên cứu của Nguyễn Văn Tuấn và cộng sự tại Hà Nội (2020) là 29,2% (tốt hoặc rất tốt) [7] . Điều này cho thấy người nghiện các CDTP tham gia điều trị MMT mặc dù vẫn còn tồn tại các vấn đề sức khỏe tinh thần tuy nhiên có thể ghi nhận những tỷ lệ tích cực về sức khỏe thể chất và tinh thần, giúp họ lạc quan và sống tích cực hơn sau điều trị MMT. Đánh giá của bệnh nhân về chất

lượng chương trình tại thời điểm nghiên cứu tương đối cao (90,6% đánh giá tốt và rất tốt).

Một điểm hạn chế trong nghiên cứu của chúng tôi là nghiên cứu cắt ngang các đối tượng hiện đang điều trị tại trung tâm y tế và các trạm y tế xã qua phỏng vấn trực tiếp và đối chiếu với hồ sơ bệnh án không có nhóm đối chứng và không trực tiếp theo dõi trong suốt quá trình điều trị. Việc đánh giá về sức khỏe thể chất và tinh thần của bệnh nhân được nhóm nghiên cứu xây dựng qua một số thông số phù hợp với nghiên cứu không sử dụng bộ thang chuẩn.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu: “Đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần của bệnh nhân đang điều trị MMT tại huyện Điện Biên năm 2024” đã ghi nhận một số kết quả tại thời điểm nghiên cứu như sau: các biểu hiện liên quan đến sức khỏe tâm thần còn tồn tại nhưng có xu hướng giảm, đặc biệt có ý định tự sát giảm xuống 0%; hành vi buôn bán ma túy giảm còn 2,5%, trộm cắp giảm còn 3,33%; tình hình sử dụng các dịch vụ y tế tăng lên đáng kể. Tỷ lệ ĐTNC hài lòng về sức khỏe tăng lên 20,83% (tốt). Chất lượng cuộc sống sau điều trị, rất xấu còn 0% và tốt tăng lên 21,88%.

Từ những kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình điều trị MMT tại huyện Điện Biên đã đem lại những kết quả tích cực trong việc ổn định sức khỏe thể chất và tinh thần cho bệnh nhân. Để duy trì và phát huy kết quả này, cần tiếp tục củng cố công tác tư vấn toàn diện (về rượu, tác dụng phụ, sức khỏe tâm thần), tăng cường hỗ trợ tâm lý – xã hội cho các đối tượng tham gia điều trị MMT. Cần có những nghiên cứu đầy đủ, xây dựng mô hình quản lý hiệu quả nhằm giúp người bệnh tái hòa nhập cộng đồng một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế (2010)**, Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (Ban hành kèm theo Quyết định số 3140/QĐ-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
- Trung tâm Y tế huyện Điện Biên (2023)**, “Báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế- dân số năm 2023, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 huyện Điện Biên” Điện Biên.
- Tông Văn Khương (2020)**, “Khảo sát đặc điểm dịch tễ và tuân thủ điều trị Methadone của bệnh

nhân tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên”. Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội.

4. Sờ Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Điện Biên (2022), “Báo cáo kết quả rà soát người nghiện ma túy năm 2022”.

5. Nguyễn Trường Giang (2020), Khảo sát đặc điểm dịch tễ và tuân thủ điều trị của người bệnh điều trị Methadone tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nam. Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội.

6. Mughal AY và cộng sự (2021), Validation of screening tools for common mental health disorders in the methadone maintenance population in Hanoi, Vietnam. BMC Psychiatry. 2021; 21(1):488. DOI: <https://doi.org/10.1186/s12888-021-03493-8>

7. Nguyễn Văn Tuấn và cộng sự (2021), “Thực trạng chất lượng cuộc sống ở người bệnh điều trị Methadone khu vực Hà Nội”. Tạp Chí Nghiên cứu Y học, 138(2), 188-194. DOI: <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v138i2.95>